

Số: /CK- MNXTH

Thanh Hưng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

NỘI DUNG CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH HƯNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường mầm non xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Hưng Thịnh xã Thanh Hưng, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 02153952371.

Địa chỉ gmail: truongmamnonthanhhung@gmail.com.

Cổng thông tin điện tử: <https://mnthanhhung.huyendienbien.edu.vn/>.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

* **Sứ mệnh:** Trường mầm non xã Thanh Hưng xây dựng môi trường giáo dục nhà trường cho trẻ học tập và vui chơi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học với tầm nhìn sứ mệnh nhằm xây dựng môi trường giáo dục **An toàn – Thân thiện – Tích cực** theo phương châm “*giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*” hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và bối cảnh của địa phương thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạo nhiều cơ hội cho trẻ khám phá thế giới xung quanh để tiếp thu kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tế bằng cách khuyến khích trẻ chủ động tham gia học tập và tôn trọng nhu cầu của trẻ. Chương trình xây dựng trên nền tảng văn hóa dân tộc nhằm đào tạo nên một thế hệ trẻ thể lực khỏe mạnh; trí tuệ thông minh; nhân cách hoàn thiện, trẻ dân tộc biết giao tiếp bằng tiếng Việt.

* **Tầm nhìn:** Trường mầm non xã Thanh Hưng giữ vững là trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng về GD cấp độ 3.

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, giúp trẻ phát triển hoàn thiện thể chất, kỹ năng sống. Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, khuyến khích trẻ ham học hỏi rèn luyện giao tiếp bằng tiếng Việt. Kích thích sự tò mò ham thích khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ. Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, phát triển một cách toàn

diện về tình cảm, thể chất trí tuệ, thẩm mỹ, mối quan hệ xã hội và khả năng giao tiếp tiếng Việt thành thạo là nền tảng cho trẻ bước vào trường Tiểu học.

*** Mục tiêu giáo dục mầm non**

- **Mục tiêu của giáo dục mầm non:** là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

- **Mục tiêu riêng của trường:** Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

+ Nhận biết một số dấu hiệu biến đổi khí hậu: Nóng, lạnh, nắng, mưa, gió bão...

+ Có một số kỹ năng sử dụng đồ dùng và một số kỹ năng khi tham gia giao thông...

+ Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở, trang phục...) của quê hương Điện Biên.

+ Trẻ Mẫu giáo khu trung tâm được làm quen với tiếng Anh: Trẻ có thể nghe và hiểu được một số từ, cụm từ và câu quen thuộc. Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu ngắn, đơn giản, quen thuộc và nhắc lại được, nói được một cách tương đối rõ ràng, dễ nghe một số từ, cụm từ đơn giản phù hợp với lứa tuổi

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm non xã Thanh Hưng thành lập theo Quyết định số 601/2000/QĐ- UB- TC ngày 25 tháng 9 năm 1996. Nằm trên địa bàn thôn Việt Thanh, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Vị trí trung tâm trường và các điểm trường đặt ở khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, có đường giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường. Trường có tổng diện tích là 5.265m², trong đó diện tích phòng học là 485,1m², diện tích sân chơi là 2465m².

Trong 28 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 1996 cho đến nay trường đã đạt các danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh Điện Biên, Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Nước tặng Bằng khen và Cờ thi đua, Huân chương Lao động Hạng 2, Hạng 3. Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc được Tổng

Liên lao động Việt Nam, Công đoàn giáo dục Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen, Giấy khen.

Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh được các cấp công nhận và tặng giấy khen.

Năm học 2003- 2004 trường đạt trường mầm non nông thôn đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 là trường đầu tiên của 6 tỉnh miền núi phía Bắc đạt chuẩn Quốc gia. Năm học 2012- 2013 trường công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, năm 2014 đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2. Năm học 2016- 2017, năm học 2021-2022 trường được sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên thẩm định và công nhận lại trường đạt Quốc gia mức độ 2 sau 5 năm, trường kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Trường xây dựng gồm 15 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn -sạch- đẹp có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo đủ diện tích, đủ các phòng chức năng theo quy định như: Phòng nghệ thuật, phòng tin học ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga, chức vụ: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Hưng Thịnh xã Thanh Hưng, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên;

- Số điện thoại: 0397446076 và 0914885075;

- Địa chỉ Gmail: ngamnth@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định thành lập trường: Quyết định số 601/2000/QĐ- UB- TC ngày 25 tháng 9 năm 1996 của UBND tỉnh Lai Châu (nay Tỉnh Điện Biên)

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm

non theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của UBND huyện Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021- 2026 gồm có 09 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà: Nguyễn Thị Nga	Hiệu trưởng
2	Bà: Nguyễn Thị Huế	Phó chủ tịch UBND xã Thanh Hưng
3	Bà: Hà Thị Hường	Phó Hiệu trưởng- CT Công đoàn
4	Bà: Nguyễn Thị Hạnh	Bí thư đoàn thanh niên
5	Bà: Nguyễn Thị Minh Hải	Tổ trưởng chuyên môn khối Nhà trẻ
6	Bà: Trần Thị Huế	Tổ trưởng chuyên môn khối MG Bé + MG Nhỡ
7	Bà: Lê Thị Thu	Tổ trưởng chuyên môn khối MG Lớn+ MG ghép
8	Bà: Nguyễn Thị Nữ	Tổ trưởng tổ văn phòng
9	Ông: Vũ Mạnh Hùng	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

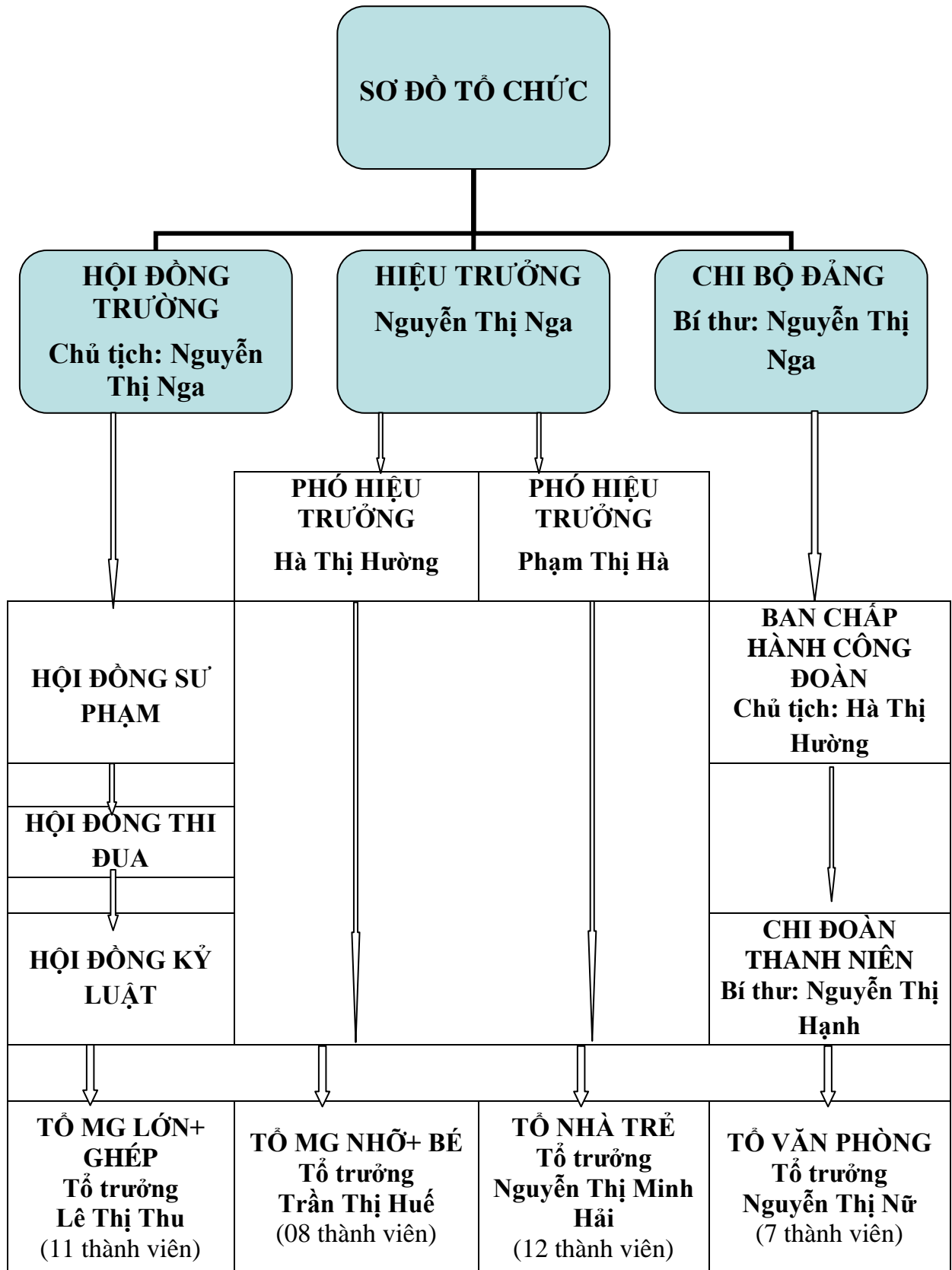
- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1471 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non xã Thanh Hưng đối với Bà: Nguyễn Thị Nga.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng:

+ Phó hiệu trưởng 1: Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 29 tháng 03 năm 2019 của UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường mầm non xã Thanh Hưng đối với Bà Phạm Thị Hà

+ Phó hiệu trưởng 2: Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2022 của UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường mầm non xã Thanh Hưng đối với Bà Hà Thị Hường.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung công việc. Trường mầm non xã Thanh Hưng đã ban hành các văn bản, kế hoạch, quyết định, quy chế... và triển khai đến toàn thể CBGV, nhân viên trong nhà trường như: QĐ số 74/QĐ-MNXTH ngày 31 tháng 8 năm 2023 của trường mầm non xã Thanh Hưng về việc ban hành quy tắc ứng xử trong trường học; Quyết định số 72/QĐ-MNXTH ngày 31 tháng 8 năm 2023 của trường mầm non xã Thanh Hưng về việc ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của trường MN xã Thanh Hưng; Kế hoạch số 20/KH-MNXTH ngày 26/2/2024 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2024; Quy chế số 04/QĐ-CĐCS ngày 3/4/2023 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ nhiệm kỳ 2023-2028 của công đoàn cơ sở Trường mầm non xã Thanh Hưng.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2022)
A	TỔNG THU	8.325.170.610	7.916.283.726
I	Thu ngân sách	6.776.063.759	6.651.702.226
1	Nguồn chi thường xuyên	6.685.302.259	6.536.540.726
2	Nguồn chi không thường xuyên	90.761.500	115.161.500
II	Thu giáo dục và đào tạo	133.790.000	157.812.500
1	Học phí	133.790.000	157.812.500
2	Thu khác		
IV	Thu khác	1.415.316.851	1.106.769.000
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		7.803.579.826
I	Chi lương, thu nhập	6.550.540.400	6.041.751.422
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	6.420.159.438	5.911.370.462

2	Chi lương, thu nhập cho NLD	130.380.962	130.380.960
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	334.229.759	657.033.904
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	334.229.759	657.033.904
III	Chi hỗ trợ người học	46.361.500	45.051.500
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	17.250.000	14.400.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác	29.111.500	30.651.500
IV	Chi khác	1.322.553.994	1.059.743.000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)		112.703.900

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.1. Học phí

Đối tượng	ĐVT	Mức thu	
		Năm báo cáo (Năm 2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2022)
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực I	Đồng/tháng	40.000	40.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực II	Đồng/tháng	30.000	30.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã	Đồng/tháng	25.000	25.000

2. 2.Các khoản thu dịch vụ phục vụ HĐCSGD khác, nguồn VĐTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo (Năm 2023)	Năm báo cáo (Năm 2022)
1	Dịch vụ ăn bán trú	Ngày/học sinh	20.000	
2	Dịch vụ trông trưa	Ngày/học sinh	5.000	

3	Dịch vụ cung cấp nước uống	Năm/học sinh	50.000	
4	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm/học sinh	90.000	
5	Nguồn VĐTT	Năm/học sinh	Tùy tâm	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2023)	Năm trước liên kê năm báo cáo (Năm 2022)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/ND-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	15	13
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	17.250.000	14.400.000
2	Chính sách CBMGHP theo ND 81/2021/ND-CP		
	Tổng số học sinh được phê duyệt CBMGHP		
	Trong đó + Mức MG 100%	9	5
	+ Mức Miễn giảm 50%	5	2
	+ Mức Miễn giảm 70%	3	9
	+ Tổng số tiền MGC BHP	3.991.500	4.091.500
3	Chính sách Hỗ trợ ăn trưa theo ND 105/2020/ND-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	21	18
	+ Định mức hỗ trợ	160.000	160.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	25.120.000	27.700.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

STT	Tên khoản thu	Số dư Năm báo cáo (Năm 2023)	Năm trước liên kê năm báo cáo (Năm 2022)
1	Dịch vụ ăn bán trú	76.474.860	1.180.000
2	Dịch vụ trông trưa	0	0
3	Dịch vụ cung cấp nước uống		
4	Dịch vụ dọn vệ sinh		15.080.000
5	Nguồn VĐTT	27.220.329	7.534.000
	Tổng cộng		

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GDMN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Stt	Danh mục VTVL	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua ĐT
I	VTVL lãnh đạo, quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	29	27	2		
1	Giáo viên mầm non hạng I	0	0			
2	Giáo viên mầm non hạng II	16	16			
3	Giáo viên mầm non hạng III	12	10	2		
3	Giáo viên mầm non hạng IV	1	1			
III	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	2	1	0	1	
1	Kế toán (Hạng III)	1	1			
2	Nhân viên y tế hạng IV	1			1	
IV	VTVL kiêm nhiệm	4	0	1	0	3
1	Nhân viên Bảo vệ	2		1		1
2	Nhân viên nấu ăn	2				2
Tổng cộng		38	31	3	1	3

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

Stt	Nội dung	Số lượng	Kết quả xếp loại Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Cán bộ quản lý	3				
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1		
II	Giáo viên	29				
1	Giáo viên Nhà trẻ	10	3	7		

2	Giáo viên MG	19	9	10		
Tổng cộng		32	14	18		
Tỷ lệ %		100	43,75	56,25		

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Stt	Nội dung	Số lượng	Kết quả Hoàn thành BDTX	
I	Cán bộ quản lý	3	Hoàn thành	Không hoàn thành
1	Hiệu trưởng	1	1	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0
II	Giáo viên	29	29	0
1	Giáo viên Nhà trẻ	10	10	0
2	Giáo viên Mẫu giáo	19	19	0
Tổng cộng		32	32	0
Tỷ lệ %		100	100	0

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Stt	Nội dung	Diện tích	Yêu cầu tối thiểu
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng	5.265m²	5.265m²
	- Diện tích xây dựng các công trình	1266 m ²	1266 m ²
	- Riêng diện tích sân chơi	2465 m ²	2465 m ²
1	Điểm trường Trung tâm	3208,2 m ²	3208,2 m ²
2	Điểm trường Bản Lếch Cuông	219m ²	219m ²
3	Điểm trường Thôn Thanh Bình	437,8m ²	437,8m ²
4	Điểm trường Pa Pe	1011,4m ²	1011,4m ²
5	Điểm trường Thôn Thành Chung	388,6m ²	388,6m ²
II	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	12,5m²/trẻ	12,5m²/trẻ

b. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Stt	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu
I	Khối phòng hành chính quản trị	9	9
1	Văn phòng trường	1	1
2	Phòng họp	1	1
3	Phòng Hiệu trưởng	1	1
4	Phòng Phó hiệu trưởng	2	2
5	Phòng hành chính quản trị	1	1
6	Phòng y tế	1	1
7	Phòng bảo vệ	1	1
8	Phòng nhân viên	1	1
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em		
1	Phòng học	15	15
2	Phòng vệ sinh (Khu vệ sinh)	6	6
2.1	Phòng vệ sinh CBGV,NV	1	1
2.2	Phòng vệ sinh học sinh	5	5
3	Phòng ngủ	3	5
4	Phòng khác	0	0
III	Khối phòng tổ chức ăn		
1	Nhà bếp	1	1
2	Nhà kho	1	1
IV	Khối phụ trợ		
1	Phòng Giáo dục nghệ thuật	1	1
2	Phòng Tin học- Ngoại ngữ	1	1
V	Khối phòng công trình		
1	Nhà xe giáo viên	3	5
2	Nhà kho chứa dụng cụ, học phẩm chung của trường	1	1

c. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Stt	Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có	Số lượng	Yêu cầu tối
------------	---	-----------------	--------------------

			thiếu
1	Máy tính	15 bộ	15 bộ
	- Máy tính dành cho công tác Văn phòng	7 bộ	7 bộ
	- Máy tính sử dụng để dạy học	8 bộ	8 bộ
2	Máy chiếu	14 bộ	14 bộ
3	Đàn	19 bộ	19 bộ
4	Ti vi	15 bộ	15 bộ
5	Loa trợ giảng	01 bộ	01 bộ
6	Loa hội trường	02 bộ	02 bộ

d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Stt	Đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu
1	Đồ chơi ngoài trời	32 loại	05 loại/1 điểm trường
1	Đồ dùng, Đồ chơi tự làm	30 bộ	
2	Đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	15 bộ	01bộ/ lớp

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Trường Mầm non xã Thanh Hưng đã tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) chất lượng giáo dục nhà trường. Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng gồm cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Thanh tra nhân dân giáo viên cốt cán. Hội đồng TĐG của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng TĐG được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá các tiêu chuẩn. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy

định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Kết quả TĐG trường Mầm non xã Thanh Hưng đạt mức 3.

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhằm đưa ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục các hoạt động của nhà trường.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Stt	Năm công nhận KĐCLGD và đạt chuẩn QG	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành quyết định
1	Năm học 2003- 2004	Mức độ 1	Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Điện Biên
2	Năm học 2012- 2013	Mức độ 2	Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.
3	Năm học 2016- 2017	Mức độ 2	Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.
4	Năm học 2021-2022	Mức độ 2	Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.

Từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024-2025 duy trì đạt chuẩn mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

Nhà trường đã triển khai cho trẻ làm quen với ngoại ngữ theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT. Tổ chức cho trẻ MG 4, 5 tuổi làm quen với tiếng Anh, số lượng trẻ tham gia: 53 trẻ.

- Nội dung: Do trung tâm Tin học- Ngoại ngữ tỉnh Điện Biên biên soạn.

- Hình thức tổ chức: Giáo viên Trung tâm Tin học- Ngoại ngữ tỉnh Điện Biên dạy trực tiếp vào các buổi chiều thứ 2, thứ 4 và thứ 6 hàng tuần cho trẻ tại trường.

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục: Trung tâm Tin học- Ngoại ngữ tỉnh Điện Biên.

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: tiếng Anh

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học: 2024-2025

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

+ Tuyển sinh đợt 1: Từ 22/5 đến hết ngày 30/5/2024

+ Tuyển sinh đợt 2: Từ 01/8 đến hết ngày 20/8/2024

- Đối tượng: Tuyển sinh trẻ từ năm 2019 đến 2023

- Chỉ tiêu được giao: Số học sinh: 365 trẻ trong đó:

+ Nhà trẻ 18 -36 tháng: 90 trẻ

+ Mẫu giáo 3 -5 tuổi: 275 trẻ (mẫu giáo bé đơn: 2 lớp với: 52 trẻ; mẫu giáo nhỡ đơn 2 lớp với: 68 trẻ; mẫu giáo lớn 2 lớp với 70 trẻ; mẫu giáo ghép 04 lớp với 85 trẻ).

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (có kế hoạch kèm theo)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội (có quy chế kèm theo)

d) Thực đơn hàng ngày của trẻ em (có biểu kèm theo)

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước: 2023-2024

Stt	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tổng số nhóm, lớp	15	1 phòng/ lớp
1.1	Nhóm trẻ	5	1 phòng/ lớp
1.2	Mẫu giáo	10	1 phòng/ lớp
1.3	Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp	25,66 trẻ/lớp	
2	Tổng số trẻ em	385	
2.1	Nhà trẻ	111	
2.2	Mẫu giáo	274	
	<i>Trong đó số trẻ em học nhóm, lớp ghép</i>	84	

3	Số trẻ em học 02 buổi/ngày	385	100%
4	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	385	100%
5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	385	100%
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	83	100%
7	Số trẻ em khuyết tật học hoà nhập	02	100%

Trên đây là Nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân của trường mầm non xã Thanh Hưng./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CBGV, NV nhà trường;
- Web của trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nga